



Mã số/ Code: DV142510301/02

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULT



I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

- Tên Khách hàng/ Customer's Name : CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ PHẠM ĐÌNH
- Địa chỉ/ Address : 50 Nguyễn Thái Sơn, Phường Hạnh Thông, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Tên mẫu thử/ Name of Sample : Cà phê rang nguyên hạt
- Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu đựng trong bao bì kín; khối lượng: 500g/túi; số lượng: 01 túi
- Ngày nhận mẫu/ Date sample received : 03/12/2025
- Thời gian lưu mẫu/ Sample retention time : Lưu mẫu 15 ngày sau thử nghiệm
- Ngày thử nghiệm/ Date of test : 03/12/2025-17/12/2025
- Ngày trả kết quả/ Date of issue : 17/12/2025



II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ RESULT TABLE

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method
1	Cảm quan (Màu sắc, trạng thái, mùi vị)	-	Hạt cà phê khô và hơi bóng, màu nâu sẫm, mùi thơm đặc trưng của sản phẩm	VNT.H.03.V.42
2	Ochratoxin A (OTA) *	µg/kg	KPH (LOD = 0,5)	VNT.H.03.Fo.79 (2021)
3	Arsen (As)	mg/kg	KPH (LOD = 0,05)	TCVN 10912:2015
4	Cadimi (Cd)	mg/kg	KPH (LOD = 0,01)	TCVN 10912:2015
5	Chì (Pb)	mg/kg	KPH (LOD = 0,025)	TCVN 10912:2015
6	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	KPH (LOD = 0,01)	TCVN 10912:2015
7	Cyproconazole	mg/kg	KPH (LOD = 0,01)	VNT.H.03.Fo.396
8	Hạt tốt, tính theo % khối lượng	%	98,93	TCVN 5250:2015
9	Hạt lỗi, tính theo % khối lượng	%	KPH (LOD = 0,03)	TCVN 5250:2015

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
- Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
- Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).
- Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận Vimecerts đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), Items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), Items designated by Department of Livestock Production (c).
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.



Mã số/ Code: DV142510301/02

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method
10	Mảnh vỡ, tính theo % khối lượng	%	0,48	TCVN 5250:2015
11	Độ ẩm, tính theo % khối lượng *	%	1,14	TCVN 7035:2002
12	Hàm lượng tro tổng số, tính theo % khối lượng	%	5,06	TCVN 5253:1990
13	Hàm lượng tạp chất, tính theo % khối lượng	%	KPH (LOD = 0,03)	TCVN 5250:2015
14	Tổng số vi sinh vật hiếu khí *	CFU/g	4,1x10 ²	TCVN 4884-1:2015
15	Tổng số nấm men - nấm mốc *	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 8275-2:2010
16	Coliforms *	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 6848:2007
17	<i>E. coli</i> *	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 7924-2:2008
18	<i>Clostridium perfringens</i> *	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 4991:2005
19	<i>Bacillus cereus</i> *	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 4992:2005



Ghi chú/ Note:

- KPH: Không phát hiện
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp



THS. TRỊNH CÔNG SƠN

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
2. Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
4. Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).
5. Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), Items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), Items designated by Department of Livestock Production (c).
6. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.